

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh
Đồng Nai giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 32/2012/QĐ-TTg ngày 27/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 27/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1697/TTr-STTTT ngày 24/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2025 với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển hạ tầng viễn thông thụ động đồng bộ, phù hợp với phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội; đảm bảo phục vụ tốt công tác an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

2. Phát triển hạ tầng viễn thông thụ động ứng dụng các công nghệ mới, đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

3. Phát triển hạ tầng viễn thông thụ động chủ yếu theo hướng dùng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp, tiết kiệm nguồn vốn đầu tư; đảm bảo mỹ quan đô thị, cảnh quan kiến trúc các công trình lịch sử, văn hóa; đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn chất lượng. Các doanh nghiệp cùng đầu tư một lần và sử dụng chung cơ sở hạ tầng, doanh nghiệp không tham gia đầu tư khi muốn sử dụng

chung cơ sở hạ tầng phải thuê lại hạ tầng với mức giá được quy định trên cơ sở Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định khác có liên quan.

4. Phát triển hạ tầng viễn thông thụ động đi đôi với việc bảo đảm an ninh - quốc phòng, an toàn mạng lưới thông tin góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững.

5. Tạo điều kiện thuận lợi cho mọi doanh nghiệp tham gia thị trường; xây dựng phát triển hạ tầng mạng lưới. Tạo lập thị trường cạnh tranh, phát triển lành mạnh, bình đẳng. Xã hội hóa trong xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông thụ động.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh.

b) Phát triển mạng lưới, hoàn thiện nâng cấp mạng lưới lên công nghệ NGN; phát triển, ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông (tính đến tủ cáp) khu vực thành phố, thị xã, trung tâm các huyện.

c) Hình thành xa lộ thông tin nối tới tất cả các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn trong tỉnh bằng cáp quang và các phương thức truyền dẫn băng rộng khác.

d) Phát triển hạ tầng viễn thông đồng bộ, phù hợp với sự phát triển hạ tầng viễn thông cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020:

a) Ngầm hóa 100% hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tại khu vực các tuyến đường, phố, khu đô thị, khu công nghiệp xây dựng mới.

b) Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường, phố đạt 15 - 20% (chỉ tính các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và đường đô thị; không tính đến hệ thống đường xã, đường thôn, xóm).

c) Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường, phố khu vực đô thị đạt 40 - 45% (chỉ tính các tuyến đường, phố nằm trong khu vực đô thị).

d) Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột treo cáp mới đạt trên 85%.

đ) Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động đạt 30 - 35%.

e) Hoàn thiện cải tạo hạ tầng cột ăng ten (cải tạo cột ăng ten loại A2a sang cột ăng ten không cồng kênh loại A1) tại 31 khu vực, tuyến đường, phố chính thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, khu vực trung tâm các huyện.

g) Hoàn thiện cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi (cáp treo trên cột điện lực, cột viễn thông) tại khu vực, tuyến đường, phố chính tại thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, trung tâm các huyện và khu vực các khu du lịch, khu di tích.

h) Hoàn thiện xây dựng hạ tầng truyền dẫn số trên địa bàn tỉnh trước ngày 31/12/2016.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020

1. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng

a) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ

- Duy trì các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ hiện trạng, đồng thời nâng cấp các thiết bị viễn thông tại các điểm giao dịch này. Phát triển mới điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ tại các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, khu vực trung tâm các huyện, thị xã, thành phố, khu vực có lượng khách hàng lớn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng.

- Giai đoạn đến 2020, quy hoạch phát triển mới 06 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể: Huyện Long Thành (02 điểm), huyện Vĩnh Cửu (02 điểm), huyện Định Quán (02 điểm).

b) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ: Không quy hoạch phát triển mới.

2. Quy hoạch cột ăng ten

a) Quy hoạch cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động

* Cột ăng ten không công kênh A1a, A1b: Quy hoạch phát triển hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động tại khu vực đô thị, khu vực yêu cầu cao về mỹ quan.

- Khu vực đô thị, khu vực yêu cầu cao về mỹ quan bao gồm:

+ Khu vực mặt trước các khu trung tâm chính trị - hành chính (khu vực mặt trước UBND, Thành Ủy, Thị Ủy, huyện Ủy).

+ Khu vực công cộng có yêu cầu về mỹ quan: Công viên Lam Sơn, công viên Tam Hiệp, công viên Biên Hùng.

+ Khu vực các tuyến đường, phố yêu cầu về mỹ quan tại thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và trung tâm các huyện.

- Khi triển khai mới các cột ăng ten tại các khu vực, tuyến đường, phố ở trên chỉ được lắp đặt cột ăng ten loại A1; hạn chế, không chế số lượng cột ăng ten công kênh A2 (A2a, A2b) xây dựng, phát triển mới tại khu vực này. Từng bước chuyển đổi hệ thống hạ tầng cột ăng ten loại A2 hiện trạng sang cột ăng ten loại A1.

- Khuyến khích phát triển cột ăng ten loại A1 tại tất cả khu vực trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh...

- Quy hoạch khu vực, tuyến đường, phố chỉ được phép lắp đặt cột ăng ten A1 bao gồm: 86 khu vực, tuyến đường, phố: TP. Biên Hòa (26 khu vực, đường, phố), TX. Long Khánh (9 khu vực, đường, phố), huyện Cẩm Mỹ (1 khu vực, đường, phố), huyện Định Quán (4 khu vực, đường, phố), huyện Long Thành (12 khu vực, đường, phố), huyện Nhơn Trạch (6 khu vực, đường, phố), huyện Tân Phú (2 khu vực, đường, phố), huyện Thống Nhất (5 khu vực, đường, phố), huyện Trảng Bom (8 khu vực, đường, phố), huyện Vĩnh Cửu (9 khu vực, đường, phố),

huyện Xuân Lộc (4 khu vực, đường, phố).

* Cột ăng ten công kênh A2 (A2a, A2b):

- Xây dựng, phát triển mới cột ăng ten loại A2 tại các khu vực: Khu vực đô thị (ngoại trừ các khu vực, tuyến đường yêu cầu cảnh quan đô thị – Khu vực lắp đặt cột ăng ten A1), khu vực nông thôn (khu vực địa bàn các xã), những địa điểm có điều kiện sử dụng tài nguyên đất, những khu vực cần tăng tầm phủ sóng, không thuộc khu vực lắp đặt cột ăng ten loại A1.

- Do địa bàn tương đối bằng phẳng, thuận lợi cho phát triển hạ tầng viễn thông: Quy hoạch xây dựng, phát triển cột ăng ten loại A2 có chiều cao nhỏ hơn 50m tại tất cả các khu vực trên địa bàn tỉnh.

- Quy hoạch khu vực, tuyến đường, phố chỉ được phép lắp đặt cột ăng ten A2 bao gồm: 172 khu vực, tuyến đường, phố: TP. Biên Hòa (30 khu vực, đường, phố), TX. Long Khánh (15 khu vực, đường, phố), huyện Cẩm Mỹ (13 khu vực, đường, phố), huyện Định Quán (14 khu vực, đường, phố), huyện Long Thành (15 khu vực, đường, phố), huyện Nhơn Trạch (12 khu vực, đường, phố), huyện Tân Phú (18 khu vực, đường, phố), huyện Thống Nhất (11 khu vực, đường, phố), huyện Trảng Bom (17 khu vực, đường, phố), huyện Vĩnh Cửu (12 khu vực, đường, phố), huyện Xuân Lộc (15 khu vực, đường, phố).

* Quy hoạch cột ăng ten theo khoảng cách

- Đối với các tuyến đường, phố chỉ được xây dựng cột ăng ten loại A1 (hoặc nằm trong danh mục cải tạo): Các cột ăng ten được xây dựng mới (hoặc cột ăng ten cải tạo) phải đảm bảo giới hạn hành lang an toàn đường bộ và các doanh nghiệp được phép xây dựng cột ăng ten loại A2 (A2a, A2b) ngoài phạm vi lớn hơn hoặc bằng 50m ($\geq 50m$), khoảng cách tính từ tim đường, phố.

- Ngoài ra phải tuân thủ các quy định về khoảng cách như sau:

Đơn vị tính: m

TT	Loại cột ăng ten	Đô thị	Ngoài đô thị
1	A2a	150	300
2	A2b	150	300

Các cột ăng ten được xây dựng không đảm bảo khoảng cách quy định trên, bắt buộc phải sử dụng chung cơ sở hạ tầng với các doanh nghiệp khác hoặc chuyển đổi sang loại A1

* Cải tạo, sắp xếp hệ thống ăng ten thu phát sóng thông tin di động

- Đối tượng thực hiện cải tạo:

+ Cột ăng ten trạm thu phát sóng thuộc khu vực đô thị, khu vực tập trung đông dân cư (khu vực hoặc tuyến đường, phố chính trong thành phố, thị xã; khu vực các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh thuộc trung tâm các huyện).

+ Khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan: Khu trung tâm hành chính, khu di tích, khu du lịch...

+ Các cột ăng ten không phù hợp với quy hoạch đô thị, quy hoạch hạ tầng của thành phố, cột không có giấy phép xây dựng.

+ Cột ăng ten trạm thu phát sóng có vị trí gần mặt đường, độ cao không hợp lý, ảnh hưởng tới mỹ quan.

+ Khu vực mật độ cột ăng ten trạm thu phát sóng quá dày: Khoảng cách giữa các cột ăng ten quá gần nhau.

- Phương hướng thực hiện cải tạo:

+ Cải tạo cột ăng ten trạm thu phát sóng loại A2a tại khu vực đô thị, khu vực các tuyến đường, tuyến phố trung tâm, khu vực yêu cầu cao về mỹ quan trên địa bàn Tỉnh. Cải tạo theo phương thức hạ độ cao cột ăng ten loại A2a xuống mức cho phép hoặc cải tạo, chuyển đổi sang cột ăng ten ngụy trang, thân thiện môi trường.

+ Sử dụng chung cơ sở hạ tầng: Chuyển các cột ăng ten trạm thu phát sóng không đảm bảo mỹ quan, các cột ăng ten có khoảng cách quá gần nhau về vị trí mới phù hợp hơn. Vị trí phù hợp là vị trí có đủ điều kiện về cơ sở hạ tầng cho các doanh nghiệp dùng chung và đảm bảo yêu cầu về mỹ quan; đảm bảo vùng phủ sóng cho thuê bao. Trong trường hợp không có vị trí phù hợp, giữ nguyên hiện trạng; cải tạo hạ độ cao cột ăng ten xuống mức cho phép, đảm bảo mỹ quan.

- Số lượng cải tạo cột ăng ten: Cải tạo 104 cột ăng ten tại các khu vực sau: TP. Biên Hòa (81 cột), TX. Long Khánh (4 cột), huyện Định Quán (2 cột), huyện Long Khánh (4 cột), huyện Nhơn Trạch (5 cột), huyện Tân Phú (1 cột), huyện Thống Nhất (3 cột), huyện Trảng Bom (2 cột), huyện Vĩnh Cửu (2 cột).

- Lộ trình triển khai: Đến năm 2020 (31/12/2020): Cải tạo 104 cột ăng ten A2 hiện trạng tại các khu vực, tuyến đường, phố chính tại thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và trung tâm các huyện.

b) Quy hoạch cột ăng ten thu phát sóng phát thanh truyền hình

- Tiếp tục duy trì các phương thức truyền dẫn phát sóng đa dạng: truyền dẫn phát sóng tương tự (Analog), truyền dẫn phát sóng trên mạng lưới truyền hình cáp, truyền dẫn phát sóng trên mạng Internet, truyền dẫn phát sóng trên vệ tinh, truyền dẫn phát sóng số mặt đất.

- Đến năm 2020:

+ 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh được trang bị đài truyền thanh không dây, vị trí đặt cột ăng ten đài truyền thanh không dây tại khuôn viên UBND xã, phường, thị trấn. Nâng cấp, cải tạo hệ thống đài truyền thanh không dây cho các xã, phường, thị trấn đã hư hỏng, xuống cấp.

+ Đài PTTH tỉnh phối hợp với doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng phát thử nghiệm sóng truyền hình số mặt đất.

+ Trước ngày 31 tháng 12 năm 2016, Đài PTTH tỉnh kết thúc phát sóng bằng công nghệ Analog, chuyển toàn bộ sang phát sóng số.

3. Quy hoạch cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm

a) Quy hoạch khu vực treo cáp trên cột viễn thông

- Ngoài những khu vực quy hoạch ngầm hóa mạng ngoại vi thuộc các phường trong thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và các thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Các tuyến đường nhánh thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh.
- Khu vực hệ thống cột điện lực không đủ điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung hạ tầng hoặc khu vực không có hệ thống cột điện lực.
- Khu vực, tuyến, hướng có địa hình khó khăn, không thể triển khai ngầm hóa.

b) Quy hoạch khu vực treo cáp trên cột điện

- Khu vực không còn khả năng đi ngầm cáp trong các công trình ngầm tại khu vực đô thị.
- Khu vực không thể xây dựng tuyến cột treo cáp viễn thông riêng biệt tại khu vực đô thị.
- Khu vực chưa thể xây dựng hạ tầng cống bê để hạ ngầm cáp viễn thông.
- Khu vực có nhu cầu sử dụng dịch vụ thấp: Khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa...

c) Quy hoạch khu vực, tuyến, hướng xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm

- Khu vực xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm:
 - + Khu vực trung tâm hành chính (Ủy ban nhân dân tỉnh; khu vực các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện).
 - + Khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan: Cách Mạng Tháng 8, Nguyễn Văn Trị, Hà Huy Giáp...
 - + Khu vực các tuyến đường, phố chính tại khu vực thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và khu vực thị trấn các huyện.
 - + Khu vực các tuyến đường trục qua trung tâm huyện: Quốc lộ 1, Quốc lộ 56, Quốc lộ 20, đường tỉnh 767, đường tỉnh 768...
 - + Khu vực các khu du lịch: Khu du lịch Bửu Long, Khu du lịch Sơn Tiên, Khu du lịch Hóa An, Khu du lịch Phước Tân...
 - + Các khu vực, tuyến đường, phố, khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo của các huyện, thị xã, thành phố trong giai đoạn 2015 - 2020 chỉ cho phép doanh nghiệp xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm.
 - + Các khu vực còn lại của các huyện, thị xã, thành phố: Ưu tiên, khuyến khích doanh nghiệp xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm.
- Xây dựng hệ thống công trình ngầm tại 112 khu vực, tuyến đường, phố trên toàn tỉnh với tổng chiều dài 263km: TP. Biên Hòa (32 khu vực, đường, phố), TX. Long Khánh (17 khu vực, đường, phố), huyện Cẩm Mỹ (3 khu vực, đường, phố), huyện Định Quán (05 khu vực, đường, phố), huyện Long Thành (15 khu vực, đường, phố), huyện Nhơn Trạch (04 khu vực, đường, phố), huyện Tân Phú (03 khu vực, đường, phố), huyện Thống Nhất (04 khu vực, đường, phố), huyện Trảng Bom (10 khu vực, đường, phố), huyện Vĩnh Cửu (15 khu vực, đường, phố), huyện Xuân Lộc (04 khu vực, đường, phố).
 - Phương án thực hiện:
 - + Chủ đầu tư các khu đô thị, khu dân cư mới; khu kinh tế, khu công

nghiệp, cụm công nghiệp và các tuyến đường, phố mới xây dựng hoặc cải tạo, mở rộng có trách nhiệm đầu tư xây dựng các công trình công, bề kỹ thuật hoặc hào, tuy nen kỹ thuật để bố trí, lắp đặt các đường dây và đường ống kỹ thuật theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối với tuyến đường, phố đã xây dựng hoặc các đô thị cũ, đô thị cải tạo; Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương đầu tư xây dựng các tuyến công, bề kỹ thuật hoặc hào, tuy nen kỹ thuật để từng bước hạ ngầm đường dây, đường cáp nổi.

+ Khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm theo các hình thức đầu tư thích hợp.

+ Cơ sở hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư, xây dựng theo quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm cảnh quan và môi trường.

+ Các tổ chức, cá nhân tham gia hạ ngầm đường dây, đường cáp đi nổi (cáp treo) tại các đô thị được hỗ trợ, ưu đãi đầu tư theo các quy định của pháp luật hiện hành và các chế độ ưu đãi do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

+ Việc hạ ngầm đường dây đường cáp nổi trên các tuyến phố có thể sử dụng một trong các hình thức sau: Công, bề kỹ thuật; hào và tuy nen kỹ thuật. Trong một số trường hợp, tại một số khu vực cụ thể (khu vực không đủ điều kiện xây dựng hạ tầng công bề...) có thể sử dụng cáp chôn trực tiếp để hạ ngầm, đảm bảo mỹ quan đô thị.

+ Các tổ chức và cá nhân khai thác, sử dụng đường dây, đường cáp đi nổi trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp, tham gia và phải đóng góp kinh phí để thực hiện việc hạ ngầm đường dây, cáp đi nổi theo kế hoạch chung của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Cải tạo, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông

- Khu vực cải tạo: Khu vực, tuyến đường, phố trên địa bàn thành phố, thị xã và trung tâm các huyện; khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan.

- Phương thức cải tạo:

+ Loại bỏ các sợi cáp, cáp không còn sử dụng.

+ Buộc gọn hệ thống dây cáp.

- Quá trình cải tạo, di chuyển, sắp xếp các đường dây, cáp nổi (cáp viễn thông, cáp truyền hình) trên các khu vực, tuyến đường phố phải đáp ứng các yêu cầu:

+ Phải đảm bảo sự kết nối với hệ thống đường dây, đường cáp chung của đô thị; đảm bảo yêu cầu về an toàn kỹ thuật, quản lý vận hành và mỹ quan đô thị.

+ Khi cải tạo, sắp xếp các đường dây, đường cáp nổi phải gắn thẻ nhựa hoặc biển nhựa ghi tên của đơn vị quản lý đường dây, đường cáp ở vị trí dễ nhận biết để thuận tiện cho việc quản lý, vận hành.

- Lộ trình cải tạo:

+ Giai đoạn 2015 - 2017: Triển khai cải tạo, chỉnh trang hạ tầng mạng cáp viễn thông, cáp truyền hình tại khu vực thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh.

+ Giai đoạn 2018 - 2020: Hoàn thiện cải tạo, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông, cáp truyền hình tại khu vực thành phố và trung tâm các huyện trên địa bàn toàn tỉnh.

IV. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2025

1. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng

a) Phát triển điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ rộng khắp trên địa bàn Tỉnh; đa dạng hóa và nâng cao các loại hình dịch vụ, phủ cấp dịch vụ tới mọi người dân.

b) Phát triển các điểm giao dịch tự động (thanh toán cước viễn thông, cước Internet, điện thoại, điện, nước tự động...), điểm tra cứu thông tin du lịch, điểm truy nhập Internet không dây công cộng: Phục vụ phát triển du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng.

2. Cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động

a) Ứng dụng và phát triển các giải pháp kiến trúc mạng truy nhập vô tuyến mới (lightRadio, cloud RAN...) giảm thiểu số lượng các nhà trạm thông tin di động, giảm chi phí về năng lượng, chi phí thuê địa điểm, chi phí bảo vệ.

b) Phát triển hệ thống ăng ten trạm thu phát sóng theo công nghệ đa tần: một ăng ten có thể thu phát trên nhiều dải tần khác nhau. Đây là cơ sở để các doanh nghiệp đầu tư sử dụng chung hạ tầng, tiết kiệm chi phí (nhiều doanh nghiệp cùng sử dụng chung hạ tầng một ăng ten, mỗi doanh nghiệp thu phát trên một băng tần khác nhau).

c) Phát triển mạnh hạ tầng cột ăng ten không công kênh, cột ăng ten thu phát sóng nguy trang đến khu vực trung tâm các huyện: Cột ăng ten có kích thước và quy mô nhỏ gọn, thân thiện môi trường, nguy trang ẩn vào các công trình kiến trúc và cảnh quan xung quanh, đảm bảo mỹ quan đô thị.

d) Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động phát triển mới đạt 50 - 55%.

3. Cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm

a) Xây dựng, phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, ngầm hóa mạng cáp ngoại vi trên diện rộng trên địa bàn tỉnh; đảm bảo mỹ quan đô thị.

b) Phát triển mạnh công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm liên ngành sử dụng chung: Doanh nghiệp viễn thông phối hợp với các ngành liên quan (giao thông, điện, cấp thoát nước...) cùng đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm và sử dụng chung.

c) Ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại trong xây dựng phát triển hạ tầng mạng cáp ngoại vi: Kỹ thuật khoan ngầm, khoan tịnh tiến, công nghệ PON...

d) Định hướng đến năm 2025:

- Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường, phổ đạt 35 - 40% (chỉ tính các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và đường

đô thị; không tính đến hệ thống đường xã, đường thôn, xóm).

- Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường, phổ khu vực đô thị đạt 75 - 80% (chỉ tính các tuyến đường, phổ nằm trong khu vực đô thị).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Tổng kinh phí: 352.600.000.000 đồng (ba trăm năm mươi hai tỷ, sáu trăm triệu đồng).

2. Nguồn kinh phí:

a) Doanh nghiệp, xã hội hóa: 348.600.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám tỷ, sáu trăm triệu đồng).

b) Ngân sách: 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng).

(Chi tiết danh mục, nguồn vốn, phân kỳ kèm theo phụ lục)

VI. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về quản lý nhà nước

a) Tuyên truyền

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, các quy định, chính sách về phát triển viễn thông nói chung và phát triển hạ tầng viễn thông thụ động nói riêng đến mọi người dân nhằm thực hiện hiệu quả các chính sách, pháp luật về viễn thông thụ động. Đối với những tuyến đường cần giải phóng mặt bằng, sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới hạ tầng viễn thông cần phải tuyên truyền đến mọi người dân đầy đủ thông tin, giải đáp thắc mắc, tránh khiếu kiện gây khó khăn và kéo dài thời gian thi công.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phát triển viễn thông nói chung và phát triển hạ tầng viễn thông thụ động nói riêng đến các sở, ban, ngành liên quan nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan trên cơ sở tuân thủ pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt quy hoạch, đầu tư, phát triển hiệu quả, bền vững; xây dựng đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo hành lang pháp lý cho doanh nghiệp trong việc phát triển hạ tầng theo hướng sử dụng chung, tiết kiệm cho xã hội.

b) Cơ chế chính sách

- Ban hành quy định về giá cho thuê hạ tầng viễn thông trên cơ sở cụ thể hóa Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và các quy định về luật giá.

- Ban hành các quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành và các doanh nghiệp trong xây dựng và quản lý hạ tầng

- Ban hành các quy định, quy chế về xây dựng, ngầm hóa mạng cáp ngoại vi.

- Ban hành quy định riêng về cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

- Ban hành quy định ưu đãi đối với doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng

sử dụng chung.

c) Thanh tra, kiểm tra

Tăng cường thanh tra, kiểm tra các hoạt động xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông thụ động tại địa phương. Xử lý nghiêm đối với các doanh nghiệp vi phạm quy định của pháp luật trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng hạ tầng viễn thông.

d) Ứng dụng công nghệ trong quản lý viễn thông

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước: tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý phát triển hạ tầng viễn thông thụ động dựa trên bản đồ số; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành viễn thông (đặc biệt là cơ sở dữ liệu về các tuyến cáp ngầm nhằm tăng cường mức độ sử dụng chung cơ sở hạ tầng đối với các doanh nghiệp viễn thông).

2. Giải pháp kỹ thuật hạ tầng viễn thông thụ động

a) Sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đối với những công trình mới xây dựng, các công trình đã xây dựng và đang sử dụng sẽ do doanh nghiệp tự quyết định.

b) Triển khai sử dụng chung hạ tầng từ thời điểm xây dựng hạ tầng viễn thông, các doanh nghiệp tham gia sử dụng chung hạ tầng phải cùng đầu tư xây dựng hạ tầng và chia sẻ sử dụng theo mức đầu tư.

c) Các doanh nghiệp không tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng phải chấp nhận mức giá cho thuê hạ tầng viễn thông (Sở Tài chính phối hợp sở, ban ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành khung giá, phương pháp tính giá cho thuê hạ tầng viễn thông).

d) Đối với hạ tầng công, bề cáp trong các trường hợp cải tạo, nâng cấp, sửa chữa và xây mới cần thiết phải có sự phù hợp với từng vị trí, từng tuyến đường, từng khu vực đảm bảo việc phát triển hạ tầng phù hợp và có tính đến yếu tố duy tu, sửa chữa và nâng cấp một cách dễ dàng, thời gian thi công nhanh, ít ảnh hưởng đến cộng đồng. Hạ tầng công, bề cáp có thể xây dựng dưới dạng hầm hào kỹ thuật hoặc chôn cáp trực tiếp.

3. Giải pháp về tổ chức thực hiện

a) Các ngành, địa phương thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông kế hoạch và tiến độ xây dựng hạ tầng của tỉnh. Sở Thông tin và Truyền thông thông báo các doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện đồng bộ quá trình xây dựng các công trình liên quan (giao thông, đô thị, xây dựng các công trình ngầm, cột treo cáp...).

b) Các doanh nghiệp viễn thông xây dựng hạ tầng cùng với quá trình xây dựng các công trình khác.

4. Huy động nguồn vốn đầu tư

a) Nguồn lực đầu tư: Đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư, trọng tâm là các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp xây dựng hạ tầng, nguồn đầu tư nước ngoài (gắn kết hạ tầng viễn thông với hạ tầng giao thông). Kết hợp với việc ban hành các văn bản về giá và ưu đãi đầu tư công khai, minh bạch để các nguồn lực yên tâm khi thực hiện đầu tư.

b) Hình thức đầu tư: Ngoài các hình thức đầu tư truyền thống từ vốn huy động trong nước (các doanh nghiệp viễn thông, các doanh nghiệp xây dựng), vốn huy động nước ngoài (vay quốc tế, phát hành trái phiếu, đầu tư trực tiếp nước ngoài) cần gắn kết hạ tầng viễn thông với hạ tầng giao thông, xây dựng nhằm thu hút nguồn lực đầu tư thông qua hình thức đối tác công tư (PPP) theo Quyết định 71/2010/QĐ-TTg ngày 9/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công – tư.

c) Đối với dự án số hóa truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình, cần tận dụng nguồn vốn từ quỹ số hóa quốc gia, hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho người dân.

5. Đào tạo nguồn nhân lực

a) Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ chuyên trách trong lĩnh vực quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước: Định hướng doanh nghiệp phát triển mạng lưới theo hoạch định; đơn đốc các doanh nghiệp thực hiện phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ với phát triển hạ tầng kinh tế xã hội của tỉnh.

c) Từng bước đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất tốt, làm chủ công nghệ hiện đại, vững vàng về quản lý kinh tế, khai thác hiệu quả mạng lưới hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

d) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động cấp huyện (cán bộ quản lý chuyên trách): phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông quản lý việc xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

6. Giải pháp khoa học công nghệ, môi trường

a) Phát triển công nghệ viễn thông đi đôi với sử dụng hiệu quả hạ tầng: công nghệ vô tuyến băng rộng, công nghệ truyền dẫn cáp quang (thay thế cáp đồng), cáp ngầm... Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, phát triển hạ tầng trạm thu phát sóng ứng dụng công nghệ xanh, thân thiện môi trường, trạm nguy trang, trạm sử dụng chung cơ sở hạ tầng, đảm bảo mỹ quan đô thị.

b) Ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ mới trong triển khai ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi: Kỹ thuật khoan ngầm, khoan định hướng...

c) Sử dụng các trang, thiết bị kỹ thuật hiện đại, các công nghệ mới (như RFID...) để tăng cường đo kiểm, giám sát, quản lý từ xa đối với hệ thống thiết bị và hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý phát triển hạ tầng mạng viễn thông: quản lý dựa trên bản đồ số; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử; phần mềm quản lý hạ tầng mạng viễn thông.

7. Giải pháp an toàn, an ninh thông tin, đảm bảo an ninh quốc phòng

a) Phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quy hoạch, xây dựng và bảo vệ hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Phân công trách nhiệm trong quản lý, khai thác, đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

b) Phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ của Công an, Quân đội tiến hành ngăn chặn và ngừng cung cấp dịch vụ đối với những trường hợp sử dụng dịch vụ

viễn thông và Internet xâm phạm ANQP.

c) Hỗ trợ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ kỹ thuật nghiên cứu giải pháp kỹ thuật đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên mạng viễn thông và Internet.

d) Doanh nghiệp viễn thông xây dựng các phương án hoạt động dự phòng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi xảy ra thiên tai, sự cố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức triển khai và theo dõi thực hiện Quy hoạch. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế và căn cứ vào sự phát triển của công nghệ, sự phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trình UBND tỉnh điều chỉnh Quy hoạch cho phù hợp.

b) Quản lý và cập nhật quá trình thực hiện Quy hoạch.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết khó khăn vướng mắc trong quá trình đầu tư và sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp.

d) Báo cáo và đề xuất với UBND tỉnh các kế hoạch, giải pháp cụ thể, chi tiết thực hiện Quy hoạch.

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị có mạng cáp thông tin hạ ngầm hệ thống mạng cáp thông tin theo các khu vực quy định. Đối với các khu vực chưa thể hạ ngầm, Sở Thông tin và Truyền thông yêu cầu các doanh nghiệp phải báo cáo và tiến hành bó gọn, cải tạo đảm bảo an toàn và nâng cao mỹ quan đô thị.

e) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện: công bố quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, trong đó có danh mục các tuyến hạ tầng kỹ thuật dùng chung; đề xuất với UBND tỉnh ban hành các quy định, quy chế về sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, các quy chế phối hợp xây dựng hạ tầng với các ngành điện, cấp nước, thoát nước; chỉ đạo việc ngầm hóa mạng cáp ngoại vi và sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, điện lực, giao thông theo quy định...

g) Phối hợp với UBND cấp huyện và các sở, ban, ngành có liên quan trong việc cấp giấy phép xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

h) Căn cứ chức năng nhiệm vụ chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hiệp thương giá theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc đề nghị của bên thuê và bên cho thuê; kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thuộc danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối và bố trí nguồn vốn, kịp thời thực hiện các dự án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành khung giá, quy định cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp tính giá cho thuê hạ tầng viễn thông, làm cơ sở cho các doanh nghiệp trong quá trình đàm phán, thuê lại hạ tầng viễn thông.

c) Quản lý giá cho thuê hạ tầng kỹ thuật công cộng trên cơ sở thúc đẩy dùng chung hạ tầng giữa các ngành, tiết kiệm, hiệu quả trong đầu tư và bảo đảm cảnh quan môi trường.

d) Sở Tài chính định giá thuê công trình hạ tầng sử dụng chung nếu công trình sử dụng nguồn ngân sách nhà nước.

4. Sở Giao thông vận tải

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cùng các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các doanh nghiệp Viễn thông xây dựng các chương trình, đề án, quy định xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với kế hoạch của từng thời kỳ.

b) Khi lập dự án đầu tư hạ tầng giao thông, phải tính toán, lồng ghép với hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có liên quan theo quy hoạch được duyệt trên cơ sở ý kiến đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông.

c) Công bố theo quy định các quy hoạch phát triển giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn, làm cơ sở cho các doanh nghiệp viễn thông xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ.

d) Khi triển khai cải tạo, nâng cấp các tuyến đường phải thông báo cho các doanh nghiệp viễn thông có liên quan, đề các doanh nghiệp viễn thông thực hiện di dời, cải tạo hạ tầng đồng bộ.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đưa các nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có liên quan vào quy hoạch giao thông chi tiết tỷ lệ 1/2.000, 1/500 của địa phương.

5. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cùng các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn và thẩm định các thủ tục có liên quan về xây dựng đề các doanh nghiệp viễn thông xây dựng hạ tầng mạng cáp ngoại vi, hạ tầng mạng thông tin di động phù hợp với quy hoạch, kiến trúc và cảnh quan đô thị của tỉnh.

b) Chỉ đạo và hướng dẫn việc lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị phải lồng ghép nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ với các quy hoạch hạ tầng kỹ thuật khác (điện, cấp nước, thoát nước...).

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cấp phép xây dựng hạ tầng

kỹ thuật viễn thông thụ động theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đưa các nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có liên quan vào quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/2.000, 1/500 của địa phương.

đ) Sở Xây dựng theo chức năng nhiệm vụ chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hiệp thương giá theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc đề nghị của bên thuê và bên cho thuê; kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông, các văn bản pháp luật có liên quan.

6. Các Sở, ban, ngành khác

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện quy hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan, hỗ trợ các doanh nghiệp Viễn thông triển khai thực hiện quy hoạch trên địa bàn quản lý. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai xây dựng phát triển hạ tầng mạng viễn thông tại các khu vực điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn...

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, quản lý việc xây dựng phát triển hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn; đảm bảo mỹ quan đô thị, đảm bảo cảnh quan kiến trúc.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cấp phép xây dựng hạ tầng mạng viễn thông theo quy hoạch.

d) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan quản lý việc xây dựng ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi trên địa bàn theo quy hoạch được duyệt.

8. Các doanh nghiệp

a) Căn cứ vào Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch phát triển phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Các doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do mình đầu tư (ngoài nguồn ngân sách nhà nước) và thoả thuận với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng; đồng thời thực hiện đăng ký giá thuê với sở Tài chính theo hình thức thông báo đăng ký giá thuê.

c) Doanh nghiệp phải niêm yết giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung bằng đồng Việt Nam tại địa điểm giao dịch, hợp báo, đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng để thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của khách hàng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Trong trường hợp bên thuê và bên cho thuê không thống nhất về giá thuê, các doanh nghiệp sẽ làm đơn đề nghị hiệp thương giá gửi sở Tài chính và thực thi theo giá hiệp thương.

đ) Các doanh nghiệp trước khi xây dựng trạm phát sóng thông tin di động, có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về địa điểm, thời gian xây dựng và phải chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương.

e) Có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông.

g) Căn cứ vào Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của tỉnh, các doanh nghiệp xây dựng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương của doanh nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

h) Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị có liên quan và các doanh nghiệp khác, đàm phán cùng đầu tư xây dựng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng; chủ động phân ánh các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện; đồng thời kiến nghị, đề xuất giải quyết hoặc hỗ trợ tháo gỡ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Giao Thông vận tải; Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

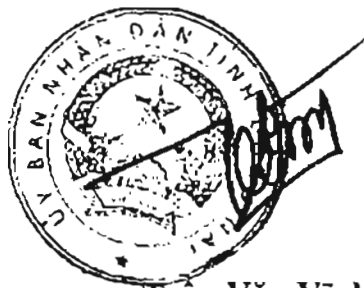
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng (CNN);
- Trung tâm Tin học, Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, CNN (Sơn)

01-07

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Danh mục Dự án ưu tiên đầu tư	Nguồn vốn		Nguồn vốn		Nhu cầu vốn đầu tư
		Giai đoạn 2015 - 2017		Giai đoạn 2018 - 2020		
		Doanh nghiệp, xã hội hóa	Ngân sách	Doanh nghiệp, xã hội hóa	Ngân sách	
1	Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ	2,4	0	2,4	0	4,8
2	Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm	75,6	0	240		315,6
3	Xây dựng hạ tầng cột treo cáp	4	0	4	0	8
4	Cải tạo, chính trang hạ tầng mạng cáp viễn thông	7,5	0	7,5	0	15
5	Cải tạo cột ăng ten A2a sang A1	2,6	0	2,6	0	5,2
6	Nâng cao năng lực quản lý nhà nước để quản lý, thực hiện quy hoạch	0	2	0	2	4
	Tổng	92,1	2	256,5	2	352,6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh